

Đề kiểm tra cuối học kỳ II (Đề 5)

Thời gian: 60 phút

A. Kiểm tra Đọc, Nghe, Nói

I. Đọc thành tiếng: (3 điểm)

- Cho HS đọc một đoạn khoảng 85 tiếng/ phút ở các bài tập đọc đã học.

GV ghi tên bài, số trang vào phiếu, cho HS bốc thăm, đọc và trả lời câu hỏi.

Bài 1: Thắng biển (từ đầu ... chóng giũ)

(SGK Tiếng Việt 4 – tập II – trang 76)

Bài 2: Con sẻ (Sẻ già lao đến cứu con .. lòng đầy thán phục)

(SGK Tiếng Việt 4 – tập II – trang 90/91)

Bài 3: Đường đi Sa Pa (từ đầu ... lướt thướt liễu rủ.)

(SGK Tiếng Việt 4 – tập II – trang 102)

Bài 4: Ăng-co Vát (đoạn: Toàn bộ khu đền ... toả ra từ các ngách.)

(SGK Tiếng Việt 4 – tập II - trang 123/124)

Bài 5: Con chuồn chuồn nước (từ đầu trên mặt hồ.)

(SGK Tiếng Việt 4 – tập II – trang 127)

Bài 6: Vương quốc vắng nụ cười (từ đầu ... trên những mái nhà.)

(SGK Tiếng Việt 4 – tập II – trang 132)

Bài 7: Ăn "mâm đá" (từ rồi Trạng Nguyên dọn cơm đến hết.)

(SGK Tiếng Việt 4 – tập II – trang 157)

II. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (7điểm)

Đọc thầm câu chuyện và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYỆN VỀ CHỊ VÕ THỊ SÁU

Vào năm mười hai tuổi, Sáu đã theo anh trai tham gia hoạt động cách mạng. Mỗi lần được các anh giao nhiệm vụ gì Sáu đều hoàn thành tốt. Một hôm, Sáu mang lựu đạn phục kích giết tên cai Tòng, một tên Việt gian bán nước ngay tại xã nhà. Lần đó, Sáu bị giặc bắt. Sau gần ba năm tra tấn, giam cầm, giặc Pháp đưa chị ra ở Côn Đảo.

Trong ngục giam, chị vẫn hồn nhiên, vui tươi, tin tưởng vào ngày chiến thắng của đất nước. Bọn giặc Pháp đã lén lút đem chị đi thủ tiêu, vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối. Trên đường ra pháp trường, chị đã ngắt một bông hoa còn ướt sương đêm cài lên tóc. Bọn chúng kinh ngạc vì thấy một người trước lúc hi sinh lại bình tĩnh đến thế. Tới bãi đất, chị gỡ bông hoa từ mái tóc mình tặng cho người lính Âu Phi. Chị đi tới cột trói: mỉm cười, chị nhìn trời xanh bao la và chị cất cao giọng hát.

Lúc một tên lính bảo chị quỳ xuống, chị đã quát vào mặt lũ đao phủ "Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ".

Một tiếng hô: "Bắn".

Một tràng súng nổ, chị Sáu ngã xuống. Máu chị thấm ướt bãi cát.

Trích trong quyển **Cẩm nang đội viên**

* Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: (0,5 điểm) Chị Sáu tham gia hoạt động cách mạng khi chị bao nhiêu tuổi ?

- a. Mười một tuổi.
- b. Mười hai tuổi.
- c. Mười ba tuổi.
- d. Mười bốn tuổi.

Câu 2: (0,5 điểm) Điền từ còn thiếu vào đoạn văn sau:

Một hôm, mang lựu đạn giết tên cai Tòng, một tên Việt gian bán nước ngay tại xã nhà. Lần đó, Sáu bị giặc bắt.

Câu 3: (0,5 điểm) Khi bị giam trong ngục, thái độ của chị Sáu như thế nào?

Thông tin	Đúng/sai
a. Chị luôn mỉm cười, cất cao giọng hát.	
b. Chị vẫn hồn nhiên, vui tươi	
c. Chị nhìn trời xanh bao la.	
d. Chị luôn lạc quan, yêu đời tin tưởng vào ngày chiến thắng.	

Câu 4: (0,5 điểm) Vì sao bọn giặc Pháp phải lén lút đem chị đi thủ tiêu?

- a. Vì sợ bị phục kích.
- b. Vì sợ người dân phản đối.
- c. Vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối.
- d. Vì sợ chị Sáu thoát thân.

Câu 5: (1,0 điểm) Viết cảm nhận của em khi đọc bài "Câu chuyện của chị Võ Thị Sáu"

Câu 6: (1,0 điểm) Là một học sinh, em sẽ làm gì để đền đáp công lao của những người có công với cách mạng như chị Võ Thị Sáu? (viết 2-3 câu)

Câu 7: (0,5 điểm) Nối câu ở cột B phù hợp với kiểu câu ở cột A:

A	B
Chị Sáu là người kiên cường, bất khuất.	Câu kể Ai thế
Sáu mang lựu đạn phục kích giết tên cai	Câu kể Ai làm gì?
	Câu kể Ai là gì?

Câu 8: (0,5 điểm) Hãy cho biết nghĩa của từ "lạc quan" là gì?

- a. Luôn vui vẻ, thoải mái
- b. Luôn buồn bã, lo âu.
- c. Không biết buồn phiền.
- d. Cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai tốt đẹp.

Câu 9: (1 điểm) Điền trạng ngữ thích hợp vào chỗ chấm:

a/, em giúp bố mẹ quét dọn nhà cửa.

b/, mặt đất lúc nào cũng khô ráo.

Câu 10: (1 điểm) Viết một đoạn văn ngắn (3-5 câu) nói về người yêu nước, dũng cảm mà em biết. Trong đoạn văn có sử dụng câu kể Ai là gì?

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả: (nghe viết) Bài: Con chuồn chuồn nước (2 điểm)

Con chuồn chuồn nước

Ôi chào ! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao ! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một cành lộc vừng ngả dài trên mặt hồ. Bốn cánh khẽ rung rung như đang còn phân vân.

Rồi đột nhiên, chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ.

Nguyễn Thế Hội

II. Tập làm văn: (8 điểm) Thời gian: 35 phút

Cho đề bài sau: Em hãy tả lại một con vật mà em yêu thích nhất.

Đáp án**A. Kiểm tra Đọc, Nghe, Nói****I. Đọc thành tiếng: 3 điểm**

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đạt yêu cầu (tốc độ đọc khoảng 90 tiếng/phút) giọng đọc có biểu cảm (1 điểm)
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa; đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): (1 điểm)
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: (1 điểm)

II. Đọc thầm: (7 điểm):

Câu 1; 2; 3; 4; 7; 8 (mỗi câu 0,5 điểm); Câu 5; 6; 9; 10 (mỗi câu 1 điểm)

Câu 1: Ý B

Câu 2: Điền đúng các từ: Sáu; phục kích

Câu 3:

Thông tin	Đúng/sai
a. Chị luôn mỉm cười, cất cao giọng hát.	S
b. Chị vẫn hồn nhiên, vui tươi	Đ
c. Chị nhìn trời xanh bao la.	S
d. Chị luôn lạc quan, yêu đời tin tưởng vào ngày chiến thắng.	Đ

Câu 4: Ý C

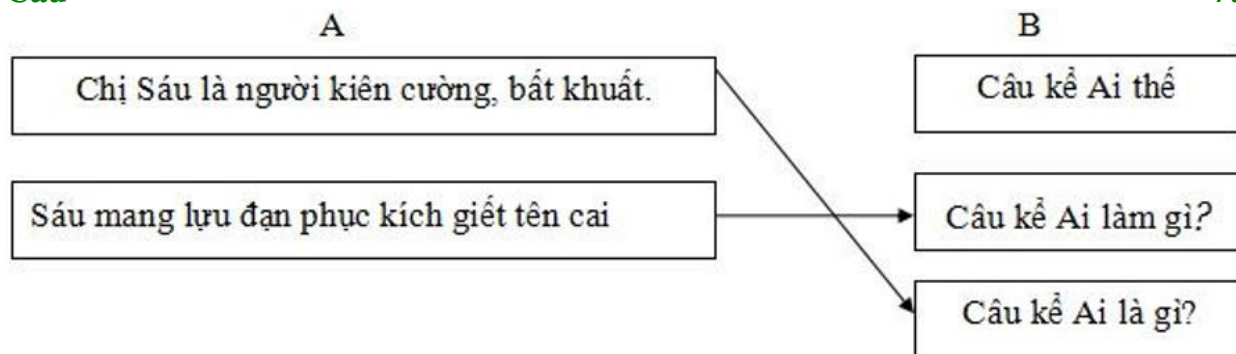
Câu 5: Khi đọc bài "Câu chuyện của chị Võ Thị Sáu", em cảm nhận chị Sáu là người con gái kiên cường, là tấm gương lạc quan yêu đời, luôn tin tưởng vào thắng lợi cách mạng.

Câu 6: Thế hệ đi trước đã có công lao to lớn với cách mạng, với tổ quốc. Để đền đáp công lao ấy em luôn ra sức học tập, phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi.

Tích cực thăm viếng, dọn vệ sinh tượng đài liệt sĩ của xã nhà.

Câu

7:



Câu 8: Ý D

Câu 9:

a/ VD: Ngày nghỉ cuối tuần, em giúp bố mẹ quét dọn nhà cửa.

b/ VD: Vào mùa hè, mặt đất lúc nào cũng khô ráo.

Câu 10: VD: Anh Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền. Anh là người thông minh, dũng cảm, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đó là tấm gương sáng để chúng em noi theo.

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả: 2 điểm

- Tổ độ đạt yêu cầu; chữ viết rõ ràng, viết đúng khoảng cách, cỡ chữ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm

- Các mức điểm khác (dưới 2 điểm) tùy mức độ sai sót GV ghi điểm cho phù hợp.

II. Tập làm văn: (8 điểm)

Bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: đạt 8 điểm.

Mở bài (1 điểm)

Thân bài: (1 điểm)

- Nội dung (1,5 điểm)
- Kỹ năng (1,5 điểm)
- Cảm xúc (1 điểm)

Kết bài (1 điểm)

- Chữ viết, chính tả (0,5 điểm)
- Dùng từ, đặt câu (0,5 điểm)
- Sáng tạo (1 điểm)
- Các mức điểm khác (dưới 8 điểm) tùy mức độ sai sót GV ghi điểm cho phù hợp.